| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự "góp hụi"*.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự "góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST – DS giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1967 (*Có mặt*)

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt,có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1968 (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng nơi cư trú: Ấp 8II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày và yêu cầu như sau*:** Từ năm 2015, bà P có tổ chức chơi góp hụi ở địa phương do bà làm chủ hụi. Trong thời gian này, vợ chồng bà H và ông S có tham gia dây hụi áp ngày 15/5/2015 (*âm lịch*), hụi 02 triệu/tháng/phần, hụi có 22 phần. Vợ chồng bà H, ông S tham gia 01 phần.

Ngày 15/6/2015 (*âm lịch*) vợ chồng bà H, ông S hốt hụi được số tiền sau khi trừ tiền thảo là 28 triệu đồng. Ông S là người trực tiếp bỏ hụi và bà H là người trực tiếp nhận tiền hụi tại nhà của bà H, ông S. Lúc bà P giao tiền hụi ông S cũng

có mặt chứng kiến việc giao tiền hụi nhưng ông S không có ký tên (*giấy nhận tiền hốt hụi bà P đã đưa cho bà H giữ, bà thì ghi vào sổ hụi để theo dõi*).

Sau khi hốt hụi thì bà H, ông S đóng hụi chết lại được 09 lần thì ngưng không đóng nữa. Bà P lại góp tiền hụi rất nhiều lần nhưng ông bà cứ hẹn hết lần này đến lần khác vẫn không chịu góp số tiền hụi chết còn lại.

Hụi mãn ngày 15/02/2017 (*âm lịch*), đến ngày 18/4/2017 (*âm lịch*) bà P lại nhà bà H, ông S để góp tiền hụi thì chỉ có bà H ở nhà còn ông S thì đi mua tôm chưa về. Bà P và bà H có tính toán lại với nhau thì bà H thừa nhận vợ chồng bà còn nợ tiền hụi tổng cộng là 22.200.000 đồng và bà P viết giấy còn bà H thì ký tên "H".

Sau khi tính toán thì bà H trực tiếp trả cho bà P được 02 lần (*mỗi lần 500.000 đồng*) với số tiền là 01 triệu đồng. Số tiền còn lại là 21.200.000 đồng bà H, ông S hứa trả mỗi tháng 02 triệu đồng nhưng hứa hẹn bao nhiêu lần vẫn không trả nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H trả cho bà P số tiền hụi chết còn lại là 21.200.000 đồng sau khi án có hiệu lực. Ngoài ra bà P không yêu cầu gì thêm.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/9/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:** Bà H xác nhận vào năm 2015, vợ chồng bà có tham gia 01 dây hụi do bà P làm chủ hụi. Dây hụi 02 triệu đồng/tháng, áp ngày 15/5/2015 (âm lịch), có 22 phần và vợ chồng bà H tham gia 01 phần. Vợ chồng bà H tham gia được vài tháng thì hốt hụi và đóng lại hụi chết mỗi tháng là 02 triệu đồng. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà đóng hụi chết được vài tháng thì không đóng nữa. Sau đó, bà P có đến nhà để đòi nhiều lần thì giữa bà và bà P có tính toán và bà xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng thì bà P đồng ý. Sau khi hứa dần, vợ chồng bà H chỉ trả được 02 tháng với số tiền là 01 triệu đồng thì không đóng nữa cho đến nay.

Bà H xác nhận vợ chồng bà còn nợ bà P số tiền hụi chết còn lại là 21.200.000 đồng nhưng hoàn cảnh hiện nay khó khăn nên bà H xin trả dần số tiền hụi mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 21.200.000 đồng. Bà H khẳng định, số tiền hốt hụi vợ chồng bà đều sử dụng vào việc mua bán của gia đình, khi đóng hụi và hốt hụi ông S luôn có mặt.

**** Tại phiên tòa*:**

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu*: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S trả cho bà số tiền nợ hụi chết còn nợ lại là 21.200.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu gì thêm.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn bà P đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn chị H, anh S vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P; buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H trả cho bà P số tiền hụi chết còn lại là 21.200.000 đồng; Buộc ông S và bà H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S (*có cùng nơi cư trú tại ấp 8II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền hụi chết còn nợ là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông S không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập bà H, ông S tham gia phiên tòa lần hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của ông S không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Năm 2015, bà P có làm chủ dây hụi 02 triệu đồng/tháng, mỗi tháng xổ 01 lần và dây hụi được áp vào ngày 15/5/2015 (âm lịch) có 22 phần, vợ chồng bà H ông S tham gia 01 phần. Vợ chồng bà H, ông S tham gia được vài tháng thì hốt hụi và có đóng lại hụi chết mỗi tháng là 02 triệu đồng. Sau khi hốt hụi thì bà H, ông S đóng hụi chết được vài tháng thì không đóng nữa. Bà P có đến nhà để đòi nhiều lần thì giữa bà và bà P có tính toán và xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng thì bà P đồng ý nhưng vợ chồng bà H chỉ trả được 02 tháng với số tiền là 01 triệu đồng thì ông bà không đóng nữa cho đến nay.

Bà H xác nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ bà P số tiền hụi chết còn lại là 21.200.000 đồng nhưng hoàn cảnh hiện nay khó khăn nên bà H xin trả dần số tiền hụi mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 21.200.000 đồng.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của bà P và lời trình bày của bà H cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Việc bà P có làm chủ dây hụi và vợ chồng bà H, ông S có tham gia trong các dây hụi và số tiền bà H, ông S còn nợ lại cho đến khi mãn dây hụi được 02 bên xác nhận là 21.200.000 đồng là có thật.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu vợ chồng ông S, bà H trả cho bà số tiền của dây hụi chết tính đến khi mãn hụi là 21.200.000 đồng sau khi án có hiệu lực là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, tại biên bản ghi lời khai của bà H xác nhận, sau khi hốt hụi và đóng hụi chét được vài tháng thì vợ chồng bà H không có khả năng đóng tiền hụi chết cho bà P và hiện nay vẫn còn nợ bà P số tiền hụi tính đến ngày mãn hụi mà vợ chồng bà tham gia là 21.200.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*).

2.2 Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông S không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà P. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà H và ông S vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ là lời khai của bà H thì bà H có yêu cầu được trả dần số tiền hụi còn nợ lại cho bà P mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà P không đồng ý yêu cầu trả dần của bà H nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi còn nợ lại là 21.200.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả cho bà P là 21.200.000 đồng x 5% = 1.060.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị P được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí là 530.000 đồng (*Năm trăm ba mươi nghìn đồng*) mà bà đã nộp theo lai thu số 0008787 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Bà P có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2018).

Riêng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 351 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 16, Điều 28 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi còn nợ là 21.200.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà H, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí là 1.060.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí số tiền là 530.000 đồng (*Năm trăm ba mươi nghìn đồng*) mà bà đã nộp theo lai thu số 0008787 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà P có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2018).

Riêng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Cẩm Lình**